

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản



được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 05/TTr-SKHHCN ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 8 vào Điều 2 như sau:

“8. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ là Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.”

2. Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc xác định danh mục các nhiệm vụ và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được tổ chức hàng năm.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, có hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ. Mỗi tổ chức chủ trì được đồng thời chủ trì nhiều nhiệm vụ nhưng phải đảm bảo có đủ kinh nghiệm, năng lực đáp ứng trực tiếp hoặc gián tiếp các yêu cầu về phương tiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực để thực hiện nghiên cứu.

4. Tất cả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đều phải bảo vệ thuyết minh nhiệm vụ, nghiệm thu trước Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Riêng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được bảo vệ trước Hội đồng tư vấn

đánh giá, nghiệm thu tối đa 02 lần (Chi phí tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ lần 2 do đơn vị chủ trì thực hiện chịu trách nhiệm chi trả).”

3. Khoản 5 Điều 5 được sửa đổi như sau:

“5. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng nghiệm thu) có 09 thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên phản biện, thành viên thư ký khoa học và các thành viên khác, trong đó:

a) 06 thành viên là các nhà khoa học, chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ khoa học và công nghệ có uy tín, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu chuyên ngành khoa học và công nghệ được giao tư vấn đánh giá; 03 thành viên là chuyên gia, nhà khoa học đại diện cho các cơ quan quản lý nhà nước, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

Mỗi Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ có 02 thư ký hành chính giúp việc.

b) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a Khoản này.”

4. Điểm a khoản 1 Điều 7 được sửa đổi như sau:

“a) Có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có tư cách pháp nhân; có con dấu và tài khoản.”

5. Khoản 2, khoản 3 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm g, khoản 2 được sửa đổi như sau:

“g) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu B1-5-PHNC); và văn bản cam kết ứng dụng kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân đặt hàng (nếu có).”

b) Điểm c, d, e, g, h, i được bổ sung vào khoản 3 như sau:

“c) Việc mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ chức Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN).

“d) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ:



Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp Bộ giao địa phương sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

“e) Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

- Trước khi phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự kiến phê duyệt được vận dụng theo quy định khoản 2 điều 15 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN. Trong trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận lại thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định hoặc ngày nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định kinh phí, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, phương thức khoán (khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, khoán chi từng phần), tổng mức kinh phí và mức kinh phí khoán, thời gian thực hiện nhiệm vụ.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành”.

“g) Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với đơn vị chủ trì để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu “Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, thời gian và kinh phí thực hiện

nhiệm vụ; cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ với đơn vị chủ trì theo quy định”.

“h) Việc hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN, cụ thể:

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

- Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 7 Quy định này;

- Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;”

“i) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.”

6. Bổ sung khoản 3 vào Điều 12 như sau:

“3. Báo cáo định kỳ và các tài liệu liên quan vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN).”

7. Điều 13 được sửa đổi như sau:

“Điều 13. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định cụ thể tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN)”.



8. Điều 15 được sửa đổi như sau:

“Điều 15. Ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có Quyết định công nhận kết quả, đơn vị đặt hàng có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất đặt hàng và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

9. Khoản 2 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bị chấm dứt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này.”

10. Điều 18 được sửa đổi như sau:

“Điều 18. Nội dung và định mức chi cho hoạt động quản lý, thực hiện nhiệm vụ

1. Các nội dung và định mức chi để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Dự toán kinh phí của nhiệm vụ bao gồm kinh phí cho việc thực hiện nội dung nhiệm vụ và kinh phí hoạt động quản lý các nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể:

a) Kinh phí thực hiện nội dung gồm kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Kinh phí quản lý các nhiệm vụ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý;

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các nhiệm vụ huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ”.

11. Điều 22 được sửa đổi như sau:

“Điều 22. Quản lý và xử lý tài sản được trang bị để triển khai thực hiện và tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thực hiện theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (Nghị định số 70/2018/NĐ-CP) và Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP”.

12. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi như sau:

“1. Việc quản lý và xử lý tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thể hiện dưới dạng tài sản hữu hình và tài sản vô hình được thực hiện theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

Việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.”

13. Khoản 2 Điều 27 được sửa đổi như sau:

“2. Có trách nhiệm phối hợp với tổ chức chủ trì nhiệm vụ nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.”

14. Khoản 1, khoản 2 Điều 29 được sửa đổi như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bị cơ quan quản lý đơn phương chấm dứt hợp đồng sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2020.

2. Các nội dung khác của Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Nguyễn Hòa Hiệp